

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/DS-ST

Ngày 16/7/2024.

V/v “Tranh chấp hợp vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Phạm Xuân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hùng và ông Chu Quang Hậu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Đình Giáp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 16/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 35/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-DS ngày 28/6/2024, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Trọng H, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn L, xã P, huyện L, tỉnh B (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn L, xã Q, huyện L, tỉnh B (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Xa Thị K, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn L, xã Q, huyện L, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại bản khai và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Trần Trọng H trình bày:

Ông với ông Nguyễn Văn S là bạn đồng ngũ. Tới ngày 30/12/2016 ông đến cửa hàng cắt tóc và làm đẹp của vợ chồng ông Nguyễn Văn S gần Trường THCS Hàn Thuyên ở thị trấn Thừa L, B mục đích để cắt tóc. Do thiếu tiền lấy hàng nên vợ chồng ông S bà K có bảo ông vay hộ và ông đã cho vợ chồng ông S bà K vay số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng chẵn), lãi suất thỏa thuận miệng 1,5%/tháng, thời gian vay 02 tháng, mục đích lấy hàng làm tết cho học sinh. Hết thời hạn trả nợ ông đã đến cửa hàng của vợ chồng ông S đòi nợ rất nhiều lần nhưng vợ chồng ông S bà K không trả tiền gốc và lãi cho ông được đồng nào.

Tạm tính đến ngày 16/7/2014 ông S và bà K còn nợ ông tổng cộng và lãi là 47.173.000 đồng. Nay ông H đề nghị Tòa án giải quyết để buộc ông S và bà K phải có nghĩa vụ trả ông cả gốc và lãi là 47.173.000 đồng (trong đó nợ gốc là 20.000.000 đồng, nợ lãi là 27.173.000 đồng).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/6/2024, bị đơn là ông Nguyễn Văn S trình bày:

Ông với ông Trần Trọng H là bạn đồng ngũ. Ngày 30/12/2016 ông H chủ động cho vợ chồng ông vay số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng chẵn), lãi suất 1,5%/tháng, thời gian vay là 02 tháng. Vợ ông là bà K đã viết giấy vay nợ và vợ chồng ông cùng ký vào giấy vay nợ của ông H. Quá trình vay nợ, vợ chồng ông đã trả cho ông H được 10.000.000 đồng (mười triệu đồng chẵn) tiền nợ gốc, cụ thể mỗi lần trả ông H 5.000.000 đồng. Ông xác định khi trả nợ cho ông H thì đôi bên không viết giấy biên nhận, không có người làm chứng và ông cũng không nhớ trả cho ông H vào thời gian nào.

Nay ông H khởi kiện và yêu cầu vợ chồng ông phải có nghĩa vụ trả ông H số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng và toàn bộ số tiền lãi tính từ ngày vay đến nay. Quan điểm của ông là vợ chồng ông sẽ có trách nhiệm trả ông H số tiền nợ gốc còn lại là 10.000.000 đồng và không chấp nhận trả lãi cho ông H.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2024, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bà Xa Thị K trình bày:

Ngày 30/12/2016 vợ chồng bà có vay của ông Trần Trọng H số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng chẵn), lãi suất 1,5%/tháng, thời gian vay 02 tháng, bà là người viết giấy vay tiền và vợ chồng bà cùng ký vào giấy vay tiền của ông H. Quá trình vay tiền, vợ chồng bà đã trả lãi cho ông H được khoảng 02 tháng lãi, còn toàn bộ số tiền nợ gốc vợ chồng bà chưa trả cho ông H được đồng nào. Bà xác định việc vợ chồng bà trả nợ cho ông H thì đôi bên không viết giấy tờ gì, không có người làm chứng và bà cũng không nhớ trả lãi cho ông H vào thời gian nào. Nay ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết để buộc vợ chồng bà phải có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền gốc là 20.000.000 đồng và số tiền lãi. Quan điểm của bà là vợ chồng bà sẽ có trách nhiệm trả cho ông H số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng và không chấp nhận trả số tiền lãi.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng từ khi thụ lý, xây dựng hồ sơ vụ án, tổ chức hòa giải và điều hành phiên tòa.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi vụ án thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn và người có

quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Những yêu cầu, kiến nghị cần khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích đánh giá, đại diện VKS đề nghị HĐXX, xử: Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, 144, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 288, 357, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12- 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

- + Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Trọng H.

- + Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Xa Thị K có nghĩa vụ liên đới phải trả cho ông Trần Trọng H tổng cộng số tiền nợ gốc và số tiền nợ lãi là 47.173.000 đồng (*bốn mươi bảy triệu, một trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn*), trong đó số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng và số tiền nợ lãi là 27.173.000 đồng.

- + Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Xa Thị K phải chịu tiền án phí dân sự có giá ngạch sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại ông Trần Trọng H toàn bộ số tiền tạm ứng án phí mà ông H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Nguyễn Văn S thì thấy: Ông Nguyễn Văn S có nơi cư trú: Thôn L, xã Quang Phú, huyện L, tỉnh B. Do vậy, vụ án trên thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp huyện và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện L được quy định tại Điều 26, 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù bị đơn là ông Nguyễn Văn S và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Xa Thị K đều vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án ông S và bà K đều được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật; ông S và bà K đều đề nghị được vắng mặt tại các phiên tòa. Xét thấy, quyền và nghĩa của ông S và bà K đã được đảm bảo; ông S và bà K có quyền đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là phù hợp quy định Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét về hợp đồng vay tài sản ngày 30/12/2016 thì thấy:

Các đương sự đều xác định khi giao kết hợp đồng vay tiền thì bà K là người viết giấy và ông S và bà K đều tự nguyện ký vào giấy vay tiền của ông H nên Hội đồng xét xử xác định ông S và bà K cùng nhau vay tiền của ông H.

Xét tại thời điểm giao kết hợp đồng ông H, ông S và bà K đều là những người có đủ năng lực trách nhiệm dân sự và tự nguyện. Xét về mục đích và nội dung trong hợp đồng vay tài sản giữa ông H, ông S và bà K đều phù hợp quy định pháp luật dân sự và đây là loại hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có lãi suất.

Xét trong hợp đồng vay tài sản giữa ông H, ông S và bà K không ghi lãi suất, nhưng ông H, ông S và bà K đều xác định lãi suất thỏa thuận là 1,5%/ tháng bằng 18%/năm. Xét thấy các đương sự thỏa thuận lãi suất phù hợp khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Theo quy định của hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn thì người cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý. Xét thấy, hết thời gian vay nợ ông H đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông S và bà K trả nợ, nhưng vợ chồng ông S và bà K không trả nợ mà chỉ khất nợ nên HĐXX xác định ông H đã báo trước cho vợ chồng ông S và bà K trong một thời gian hợp lý.

Đối với việc ông S cho rằng vợ chồng ông đã trả cho ông H số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng nhưng ông không nhớ đã trả ông H vào thời gian nào, không có giấy tờ và không có người làm chứng. Ngoài ra ông S còn cho rằng vợ chồng ông đã trả cho ông H được 02 tháng lãi, nhưng ông không trả mà bà K trả cho ông H thời gian nào ông không biết. Đối với việc bà K thì cho rằng vợ chồng đã trả tiền lãi cho ông H được 02 tháng lãi, nhưng bà K cũng xác định rằng khi bà trả lãi cho ông H thì đôi bên không viết giấy tờ gì, không có người làm chứng và bà cũng không nhớ đã cho trả ông H thời gian nào. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Quyết định yêu cầu ông S và bà K cung cấp tài liệu chứng cứ có liên quan đến việc vợ chồng ông bà đã trả nợ gốc và lãi cho ông H; tuy nhiên đã hết thời hạn theo luật định nhưng ông S bà K vẫn không cung cấp được những chứng cứ, tài liệu nào liên quan đến việc vợ chồng ông S bà K đã trả nợ gốc và lãi cho ông H. Do vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận ông S và bà K không trả được đồng nợ gốc và đồng nợ lãi nào cho ông H.

Xét thấy, do ông Nguyễn Văn S và bà Xa Thị K vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tạm tính đến ngày 16/7/2024 là ngày xét xử vụ án, ông S bà K còn nợ ông H số tiền gốc là 20.000.000 đồng và số tiền lãi trên số ngày chậm thanh toán lãi trên số nợ gốc cho ông H là 2.755 ngày tương đương với số tiền là: 20.000.000 đồng x 2.755 ngày x 18%/năm : 365 ngày = 27.172.603 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 47.172. 603 đồng làm tròn số là 47.173.000 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử buộc ông S và bà K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Trọng H số tiền nợ gốc và lãi là 47.173.000 đồng là phù hợp các Điều 288, 429, 463, 466 Bộ luật Dân sự.

[4]. Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Trọng H nên ông Nguyễn Văn S và bà Xa Thị K phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Trả lại ông H toàn bộ số tiền tạm ứng án phí mà ông H đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, 144, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 288, 357, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12- 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Trọng H.

2. Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Xa Thị K có nghĩa vụ liên đới phải trả cho ông Trần Trọng H tổng cộng số tiền nợ gốc và số tiền nợ lãi là 47.173.000 đồng (*bốn mươi bảy triệu, một trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn*), trong đó số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng và số tiền nợ lãi là 27.173.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Xa Thị K phải chịu 2.358.000 đồng tiền án phí dân sự có giá ngạch sơ thẩm.

Trả lại ông Trần Trọng H số tiền 1.130.000 đồng là số tiền tạm ứng án phí mà ông H đã nộp theo biên lai số: 0003060, ngày 13/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện L;
- VKSND tỉnh B;
- Chi cục THADS huyện L;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Xuân Hà